

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

-----000-----

Số: 18a/2017/TTZ-TCKT

Thái bình, ngày 29 tháng 03 năm 2017

V/v: Giải trình chênh lệch về số liệu trước và
sau kiểm toán trong BCTC Công ty năm 2016.

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 4 Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung xin giải trình sự chênh lệch số liệu trọng yếu trước và sau kiểm toán tại Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: vnd

STT	Chỉ tiêu thay đổi trên bảng cân đối kế toán	Mã chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
2	Phải thu khách hàng	131	23,644,091,738	23,381,841,538	262,250,200
3	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(1,428,438,735)	(1,579,125,052)	150,586,317
4	Hàng tồn kho	141	23,967,759,247	23,707,759,247	(260,000,000)
5	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	895,596,602	443,542,376	(452,054,226)
7	Doanh thu hoạt động chính	01	85,476,578,761	87,731,124,216	2,254,545,455
8	Giá vốn bán hàng	11	72,064,982,510	75,702,782,544	3,637,800,034
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,351,582,746	3,612,682,991	261,100,245
10	Chi phí tài chính	22	345,987,922	403,657,440	57,669,518
11	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	51	1,143,764,434	582,442,211	561,322,323
12	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	60	1,377,948,478	1,529,377,816	151,429,388

Nguyên nhân:

- + Dự phòng phải thu khó đòi tăng 150,586,317 do công ty đánh giá lại trên quan điểm thận trọng hơn đối với các khoản phải thu khó đòi.
- + Hàng tồn kho giảm 260,000,000 đồng do công ty hạch toán điều chỉnh lại do nhầm lẫn.
- + Chi phí trả trước ngắn hạn giảm 452,054,226 do hạch toán kết chuyển sang tài sản dài hạn theo đúng tính chất đối tượng.

+ Doanh thu hoạt động chính tăng do 2,254,545,455 đồng do hạch toán điều chỉnh bút toán sai từ khoản mục thu nhập thành khác về khoản mục đúng là doanh thu bán hàng.

+ Giá vốn hàng bán tăng số tiền 3,637,800,034 đồng do hạch toán điều chỉnh bút toán từ khoản mục sai là chi phí khác thành khoản mục đúng là giá vốn hàng bán.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng số tiền 261,100,245 đồng do công ty hạch toán thiếu chi phí phân bổ dài hạn và trích lập dự phòng.

+ Thuế và các khoản phải nộp nhà nước giảm số tiền 561,322,323, nguyên nhân là trong quý III/2016 do thiệt hại từ thiên tai (bão) làm cho kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong quý bị lỗ nên Nhà nước có chính sách hỗ trợ giảm trừ về thuế cho khoản thiệt hại trên.

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng số tiền 151,429,388 đồng là do giảm tiền thuế TNDN phải nộp cho nhà nước theo chính sách hỗ trợ của Nhà nước (như giải trình ở trên) dẫn đến lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng lên.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**

GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Quyết	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Thành viên
Bà Lê Ngọc Anh	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Hoàng Văn Ty

Giám đốc

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2017



Số: 162/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 03 năm 2017 từ trang 03 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0657-2015-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2369-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.034.338.825	38.038.808.997
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		707.192.249	543.943.798
1. Tiền	111	5	707.192.249	543.943.798
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.025.164.594	14.470.743.906
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	23.381.841.538	14.445.895.565
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		153.985.600	823.785.950
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		68.462.508	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.579.125.052)	(798.937.609)
III. Hàng tồn kho	140	8	23.707.759.247	21.856.126.133
1. Hàng tồn kho	141		23.707.759.247	21.856.126.133
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		594.222.735	1.167.995.160
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	443.542.376	1.167.995.160
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		150.680.359	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.036.789.475	40.591.316.739
I. Tài sản cố định	220		12.528.735.249	11.193.475.065
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	12.528.735.249	11.193.475.065
- Nguyên giá	222		20.416.441.660	17.104.906.897
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.887.706.411)	(5.911.431.832)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	42.056.000.000	28.857.170.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		42.056.000.000	28.857.170.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		452.054.226	540.671.674
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	452.054.226	540.671.674
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		102.071.128.300	78.630.125.736

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		25.553.518.686	21.141.893.938
I. Nợ ngắn hạn	310		24.386.018.686	21.141.893.938
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	13.740.277.488	7.562.786.102
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	5.511.299.970	12.277.837.758
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	949.761.978	1.167.801.238
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		204.170.000	133.468.840
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	3.980.509.250	-
II. Nợ dài hạn	330		1.167.500.000	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	1.167.500.000	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		76.517.609.614	57.488.231.798
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	76.517.609.614	57.488.231.798
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	52.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		70.000.000.000	52.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.517.609.614	4.988.231.798
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.988.231.798	3.641.972.155
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.529.377.816	1.346.259.643
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		102.071.128.300	78.630.125.736



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Vũ Thị Hằng

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		87.731.124.216	59.716.614.138
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	87.731.124.216	59.716.614.138
4. Giá vốn hàng bán	11	20	75.702.782.544	50.877.187.962
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12.028.341.672	8.839.426.176
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		602.622	2.059.018
7. Chi phí tài chính	22		403.657.440	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		403.657.440	-
8. Chi phí bán hàng	25	22	3.042.926.877	2.999.873.988
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	3.612.682.991	3.810.222.503
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		4.969.676.986	2.031.388.703
11. Thu nhập khác	31	23	1.480.622.500	-
12. Chi phí khác	32	24	4.338.479.559	254.879.784
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(2.857.857.059)	(254.879.784)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.111.819.927	1.776.508.919
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	582.442.111	430.249.276
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.529.377.816	1.346.259.643



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.111.819.927	1.776.508.919
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.978.680.851	1.344.727.007
- Các khoản dự phòng	03	780.187.443	798.937.609
- (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	321.936.561	73.651.160
- Chi phí lãi vay	06	403.657.440	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	3.738.973.249	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.335.255.471	3.993.824.695
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(8.485.288.490)	6.664.983.308
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(4.538.356.218)	(856.075.051)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(664.036.821)	1.782.013.257
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	813.070.232	(1.076.012.721)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(403.657.440)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(733.434.700)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.676.447.966)	10.508.733.488
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.655.540.000)	(1.735.415.454)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	45.454.545	100.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(13.198.830.000)	(8.857.170.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	602.622	2.059.018
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.808.312.833)	(10.490.526.436)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	17.500.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	12.140.715.076	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.992.705.826)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	22.648.009.250	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	163.248.451	18.207.052
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	543.943.798	525.736.746
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	707.192.249	543.943.798



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiến Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10 tháng 04 năm 2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 12 năm 2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 26 tháng 04 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần thứ 7 ngày 26 tháng 04 năm 2015 là 52.500.000.000 VND. Trong năm công ty đã tăng vốn điều lệ lên 70.000.000.000 VND tuy nhiên chưa thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 135 người (tại 31 tháng 12 năm 2015 là 120 người).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTZ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bột đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rầm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

Trong năm, Công ty đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Tiến Trung Sơn La tại tỉnh Sơn La, với tổng vốn đã góp là 3.056.000.000 VND. Năm 2016 Công ty mới bắt đầu đi vào hoạt động nên chưa phát sinh doanh thu.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình	Hòa Bình	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất gạch
Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam	Hà Nội	100%	90%	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và kinh doanh thương mại
Công ty TNHH MTV Tiến Trung Sơn La	Sơn La	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Các Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình; Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam, Công ty TNHH MTV Tiên Trung Lạng Sơn; Công ty Con;
- Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hoạt động thương mại của doanh nghiệp, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 19
Máy móc, thiết bị	3 - 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu là lốp xe, dầu máy và các chi phí trả trước dài hạn khác như công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng từ 6 tháng đến 36 tháng.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán trong chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính và chi phí nhân công.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	575.111.791	536.180.024
Tiền gửi ngân hàng	132.080.458	7.763.774
Cộng	707.192.249	543.943.798

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	23.381.841.538	14.445.895.565
Công ty TNHH Thiên An Sơn	4.734.500.539	4.418.458.724
Công ty TNHH Hiệp Hòa	3.479.400.000	-
Công ty ô tô Đức Nam	3.120.000.000	-
Công ty TNHH TV Tiến Trung Hòa Bình	2.620.045.573	-
Công ty CP Tư vấn Quản lý Dự án Xây dựng CMAXX	2.212.614.000	-
Công ty TNHH Long Triều	1.151.100.003	1.301.100.003
Các đối tượng khác	6.064.181.423	8.726.336.838
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	3.175.775.773	-
Công ty TNHH TV Tiến Trung Hòa Bình	2.620.045.573	-
Công ty cổ phần Sudev Việt Nam	555.730.200	-

7. NỢ XẤU

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Long Triều	1.151.100.003	-	1.301.100.003	650.550.001
Công ty TNHH Thành Thiêm	-	-	63.810.595	31.905.298
Công ty CP Xây lắp Tây Sơn	182.964.620	-	232.964.620	116.482.310
Công ty CP Taseo Nam Thái	56.608.000	-	56.608.000	56.608.000
CTY CP đầu tư Tân Phú	81.616.903	-	81.616.903	81.616.903
Đối tượng khác	119.087.376	12.251.850	-	-
Cộng	1.591.376.902	12.251.850	1.736.100.121	937.162.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.358.811.823	-	793.128.835	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	7.503.053.554	-	9.923.011.892	-
Hàng hóa	14.845.893.870	-	11.139.985.406	-
Cộng	23.707.759.247	-	21.856.126.133	-

Ghi chú: (i) Trong đó chủ yếu là chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình chưa hoàn thành do điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đầu tư bổ sung vùng nguyên liệu. Dự kiến trong năm 2017, sau khi xây dựng hoàn thành, nhà máy sẽ được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình (Công ty con) quản lý và sử dụng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	443.542.376	1.167.995.160
Công cụ, dụng cụ, nhiên liệu xuất dùng	443.542.376	1.167.995.160
b) Dài hạn	452.054.226	540.671.674
Công cụ, dụng cụ, nhiên liệu xuất dùng	452.054.226	540.671.674

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	7.454.066.769	2.876.147.186	6.774.692.942	17.104.906.897
- Mua trong năm	-	562.182.182	4.172.002.726	4.734.184.908
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(370.400.000)	(370.400.000)
- Thiệt hại do bão (i)	(1.052.250.145)	-	-	(1.052.250.145)
Số dư cuối năm	6.401.816.624	3.438.329.368	10.576.295.668	20.416.441.660
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.011.762.191	1.529.274.272	2.370.395.369	5.911.431.832
- Khấu hao trong năm	530.093.154	289.080.034	1.159.507.663	1.978.680.851
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.406.272)	(2.406.272)
Số dư cuối năm	2.541.855.345	1.818.354.306	3.527.496.760	7.887.706.411
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	5.442.304.578	1.346.872.914	4.404.297.573	11.193.475.065
Số dư cuối năm	3.859.961.279	1.619.975.062	7.048.798.908	12.528.735.249

Ghi chú: (i) Thiệt hại do cơn bão số 01, chi tiết xem Thuyết minh số 24 - Chi phí khác.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là 2.194.989.968 VND.
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 280.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con				
- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	30.000.000.000	30.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam	9.000.000.000	9.000.000.000	8.857.170.000	8.857.170.000
- Công ty TNHH MTV Tiến Trung Sơn La	3.056.000.000	3.056.000.000	-	-
Cộng	42.056.000.000	42.056.000.000	28.857.170.000	28.857.170.000

Tóm tắt tình hình hoạt động các công ty con:

- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5400411211 ngày 19/09/2012, thay đổi lần đầu ngày 23/10/2015. Công ty trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án Nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại xóm Trống, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 25121000413 ngày 10/06/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình với thời gian đầu tư xây dựng dự án dự kiến từ tháng 05/2013 đến tháng 12/2014. Trong năm, nhà máy chưa xây dựng hoàn thành nhưng đã có hoạt động kinh doanh hàng hóa chủ yếu là vật liệu xây dựng. Tại 31/12/2016, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty là 1.909.542.559 VND.
- Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0106749913 ngày 16/01/2015 và thay đổi lần đầu ngày 03/08/2015 thành Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và kinh doanh thương mại các mặt hàng khác. Tại 31/12/2016, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty là 479.890.489 VND.
- Công ty TNHH Một thành viên Tiến Trung Sơn La được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 5500527957 ngày 24/12/2015. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH Một thành viên Tiến Trung Sơn La là kinh doanh vật liệu xây dựng. Công ty đang trong giai đoạn xin giấy phép đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại và Nhà khách, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán	13.740.277.488	13.740.277.488	7.562.786.102	7.562.786.102
Công ty TNHH ô tô và thiết bị Thiên Trường Long	3.207.495.859	3.207.495.859	930.000.000	930.000.000
Công ty CP thương mại XNK xăng dầu Đại Dương	-	-	2.750.032.745	2.750.032.745
Công ty TNHH Thương mại và vận tải Thiệp Mơ	2.385.402.500	2.385.402.500	-	-
Công ty TNHH thương mại và sản xuất thép Chiến Thắng	1.539.997.360	1.539.997.360	-	-
Đối tượng khác	6.607.381.769	6.607.381.769	3.882.753.357	3.882.753.357
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	258.725.000	258.725.000	258.725.000	258.725.000
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	258.725.000	258.725.000	258.725.000	258.725.000

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước	5.511.299.970	12.277.837.758
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	-	12.115.837.758
Công ty CP Xuất nhập khẩu HTC	4.650.000.000	-
Các đối tượng khác	861.299.970	162.000.000
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	12.115.837.758
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	-	12.115.837.758

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	117.293.930	377.428.254	494.722.184	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.045.930.467	582.442.111	733.434.700	894.937.878
Thuế thu nhập cá nhân	4.576.841	-	-	4.576.841
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	50.247.259	-	50.247.259
Cộng	1.167.801.238	1.013.117.624	1.231.156.884	949.761.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.669.259.250	3.612.031.400	6.701.455.826	10.370.715.076	-	-
Ngân hàng TP Bank (i)	3.669.259.250	3.612.031.400	3.641.455.826	7.310.715.076	-	-
Vay ngắn hạn cá nhân	-	-	3.060.000.000	3.060.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	311.250.000	311.250.000	291.250.000	602.500.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (ii)	240.000.000	240.000.000	220.000.000	460.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (ii)	71.250.000	71.250.000	71.250.000	142.500.000	-	-
Cộng	3.980.509.250	3.923.281.400	6.992.705.826	10.973.215.076	-	-

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 251-03.16/HĐTĐ/TPBANK.HMI ngày 23/03/2016, thời hạn 12 tháng. Khoản vay được thực hiện theo khế ước số 01/251-03.16/GNN ngày 02/03/2016, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất 8%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ kinh doanh, thanh toán tiền hàng. Tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ 3 (bất động sản thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng Quản trị).
- (ii) Chi tiết xem Thuyết Minh số 16 – Vay và nợ thuế tài chính dài hạn.

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	1.167.500.000	1.167.500.000	-	1.167.500.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (i)	740.000.000	740.000.000	-	740.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (ii)	427.500.000	427.500.000	-	427.500.000	-	-
Cộng	1.167.500.000	1.167.500.000	-	1.167.500.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tín dụng số 210116-2600476-01-SME ngày 23/01/2016, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 05/01/2016, lãi suất vay thả nổi theo lãi suất vay dài hạn của ngân hàng VP Bank. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Hyundai biển số 17A-053.59 và xe ô tô TMT biển số 17A-061.69.
- (ii) Hợp đồng tín dụng số 3400LAV201600087 ngày 05/04/2016, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 05/04/2016, lãi suất 10%/ năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô tải biển số 17C-06656.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	311.250.000	-
Trong năm thứ hai	311.250.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	856.250.000	-
Sau năm năm	-	-
	1.478.750.000	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	311.250.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	1.167.500.000	-

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	52.500.000.000	3.641.972.155	56.141.972.155
Lợi nhuận trong năm	-	1.346.259.643	1.346.259.643
Số dư đầu năm nay	52.500.000.000	4.988.231.798	57.488.231.798
Tăng vốn trong năm (i)	17.500.000.000	-	17.500.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	1.529.377.816	1.529.377.816
Số dư cuối năm	70.000.000.000	6.517.609.614	76.517.609.614

Ghi chú:

- (i) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2016, Công ty đã thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ ra công chúng. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 1.750.000; giá trị tương đương 17.500.000.000 VND.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty đến thời điểm 31/12/2016 là 70.000.000.000 VND, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh theo vốn điều lệ mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

<i>Cổ phiếu</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	5.250.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.000.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	5.250.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.000.000	5.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thời điểm hiện tại, lĩnh vực kinh doanh của Công ty tập trung vào khai thác đất, đá, cát, sỏi, sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng. Không có các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác, theo đó Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Do Công ty không hoạt động tại các địa điểm khác nhau, do đó Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	55.796.231.244	29.160.163.396
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.674.892.972	29.169.450.742
Doanh thu xây lắp	8.260.000.000	1.387.000.000
Cộng	87.731.124.216	59.716.614.138

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng đã bán	50.633.158.183	24.515.831.678
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	17.330.694.336	25.061.027.365
Giá vốn dịch vụ xây lắp	7.738.930.025	1.300.328.919
Cộng	75.702.782.544	50.877.187.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.396.202.316	19.254.225.815
Chi phí nhân công	4.695.881.200	5.200.189.958
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.978.680.851	1.344.727.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	715.103.614	1.304.962.171
Dự phòng	780.187.443	798.937.609
Chi phí khác bằng tiền	159.178.805	34.531.029
Cộng	31.725.234.229	27.937.573.589

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí xăng dầu	2.592.082.816	2.661.860.746
Chi phí khấu hao TSCĐ	450.844.061	337.048.762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	964.480
Cộng	3.042.926.877	2.999.873.988

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.395.298.160	1.091.593.200
Chi phí đồ dùng văn phòng	599.825.374	911.701.693
Chi phí khấu hao TSCĐ	425.340.882	221.231.161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	252.874.327	752.227.811
Chi phí dự phòng	780.187.443	798.937.609
Các khoản chi phí QLDN khác	159.156.805	34.531.029
Cộng	3.612.682.991	3.810.222.503

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập khác	1.480.622.500	-
Cộng	1.480.622.500	-

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý TSCĐ	322.539.183	254.879.784
Giá trị tài sản thiệt hại do thiên tai	3.738.973.249	-
Các khoản khác	276.967.127	-
Cộng	4.338.479.559	254.879.784

(Thiệt hại do cơn bão số 01 (Bão số 01 tên quốc tế là Mirinae đã đổ bộ vào đất liền gây ra mưa to ở các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hải Phòng) bao gồm các thiệt hại về nhà xưởng, nhà kho, hàng hóa (bị tốc mái, đổ tường rào, hư hỏng nặng). Danh sách các tài sản thiệt hại đã được Chính quyền địa phương xác nhận, đồng thời Công ty đã thuê công ty thẩm định giá xác định giá trị còn lại của tài sản bị thiệt hại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.111.819.927	1.776.508.919
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	276.967.127	179.169.606
Thu nhập chịu thuế	2.388.787.054	1.955.678.525
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	477.757.411	430.249.276
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung năm trước	104.684.700	-
Thuế TNDN phải nộp	582.442.111	430.249.276

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	5.148.009.250	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(707.192.249)	(543.943.798)
Nợ thuần	4.440.817.001	-
Vốn chủ sở hữu	76.517.609.614	57.488.231.798
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	5,8%	0,0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	707.192.249	543.943.798
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.871.178.994	13.646.957.956
Cộng	22.578.371.243	14.190.901.754
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.148.009.250	-
Phải trả người bán và phải trả khác	13.944.447.488	7.696.254.942
Cộng	19.092.456.738	7.696.254.942

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính riêng quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro về thị trường, tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	707.192.249	-	707.192.249
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.871.178.994	-	21.871.178.994
Cộng	22.578.371.243	-	22.578.371.243
Số đầu năm			
Các khoản vay	3.980.509.250	1.167.500.000	5.148.009.250
Phải trả người bán và phải trả khác	13.944.447.488	-	13.944.447.488
Cộng	17.924.956.738	1.167.500.000	19.092.456.738
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.653.414.505	(1.167.500.000)	3.485.914.505
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	543.943.798	-	543.943.798
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.646.957.956	-	13.646.957.956
Cộng	14.190.901.754	-	14.190.901.754
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.696.254.942	-	7.696.254.942
Cộng	7.696.254.942	-	7.696.254.942
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.494.646.812	-	6.494.646.812

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**
Xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

MẪU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu